



VINAMILK



Giới thiệu Công ty

Tháng 11, 2016



Thông tin trong tài liệu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Vinamilk") và chưa được xác minh độc lập. Thông tin này không được sử dụng làm đại diện hoặc đảm bảo, thể hiện hay ngụ ý; ngoài ra, không nên có sự phụ thuộc vào tính công bằng, chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin hoặc ý kiến ở đây hoặc mức độ hợp lý của bất kỳ giả định hoặc căn cứ được đưa ra. Các thông tin được nêu trong tài liệu này có thể được cập nhật, sửa đổi, xác minh và thay đổi, và đó có thể là những thay đổi đáng kể. Vinamilk không chịu trách nhiệm cập nhật hoặc lưu giữ các thông tin trong tài liệu này và bất kỳ ý kiến trình bày trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Vinamilk, các cổ vấn hoặc đại diện, hoặc các chi nhánh của Vinamilk từ chối có bất kỳ trách nhiệm nào (trong sơ suất hay cách khác) cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh liên quan đến tài liệu này hoặc bất kỳ thông tin bằng miệng được cung cấp kèm theo.

Tài liệu này chỉ dành cho mục đích cung cấp thông tin. Không có gì trong tài liệu này cấu thành một đề nghị bán hoặc chào mời, chào hàng hoặc đầu thầu mua bán bất kỳ chứng khoán nào của Vinamilk. Đặc biệt, trình bày này không phải là một chào bán chứng khoán tại Hoa Kỳ và không được xuất bản hoặc phân phối tại Hoa Kỳ (theo Quy chế S, Luật Chứng khoán Hoa Kỳ năm 1933, sửa đổi).

Việc tham dự buổi thuyết trình này có thể bị hạn chế bởi pháp luật. Vinamilk, các cổ vấn hoặc đại diện của mình không cho phép quyền sở hữu hoặc phân phối bài trình bày này tại nơi mà pháp luật hạn chế bài trình bày này. Người tham dự buổi thuyết trình này được yêu cầu phải được thông báo về hiểu rõ về các hạn chế này.

Một số thông tin trong bài trình bày liên quan đến "định hướng tương lai". Các thông tin này, bao gồm các từ "dự đoán", "tin", "ý định", "ước tính", "mong đợi" và các từ có nghĩa tương tự, phản ánh niềm tin và sự dự đoán của Vinamilk và mang tính rủi ro, không chắc chắn sẽ dẫn đến kết quả thực tế cũng như có thể khác đi đáng kể. Những rủi ro và biến động này bao gồm thay đổi môi trường kinh doanh, hoặc điều kiện thị trường, hoặc triển vọng tăng trưởng dự kiến của Vinamilk và các yếu tố khác. Những thay đổi này và các yếu tố khác có thể ảnh hưởng xấu đến kết quả và hiệu quả tài chính của kế hoạch và các sự kiện được mô tả trong tài liệu này. Do đó, Vinamilk khuyến cáo người nghe không nên dựa vào các nhận định về tương lai như vậy. Vinamilk không chấp nhận bất cứ trách nhiệm liên quan đến việc cập nhật về những rủi ro và bất trắc này hoặc việc phải công bố công khai các cập nhật này, trừ trường hợp được yêu cầu theo pháp luật. Ngoài ra, một số thông tin trong tài liệu này (bao gồm các dự báo) liên quan đến ngành công nghiệp sữa Việt Nam và số liệu công nghiệp và kinh tế khác đã được lấy từ các nguồn từ bên thứ ba mà Vinamilk cho là đáng tin cậy; tuy nhiên, Vinamilk, các cổ vấn và đại diện và chi nhánh của Vinamilk không đảm bảo cơ sở pháp lý, tính công bằng và chính xác của các thông tin này...



Mai Kiều Liên
*Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc*



Lê Thành Liêm
*Giám đốc Điều hành Tài
chính, kiêm Kế toán trưởng*



Lê Quang Thanh Trúc
*Thư ký, Giám đốc Quản lý
Chi Nhánh Nước Ngoài*



Trần Chí Sơn
*Trưởng Bộ phận
Tài chính*

1

Giới thiệu về Công ty

2

Điểm nhấn đầu tư

3

Tình hình tài chính

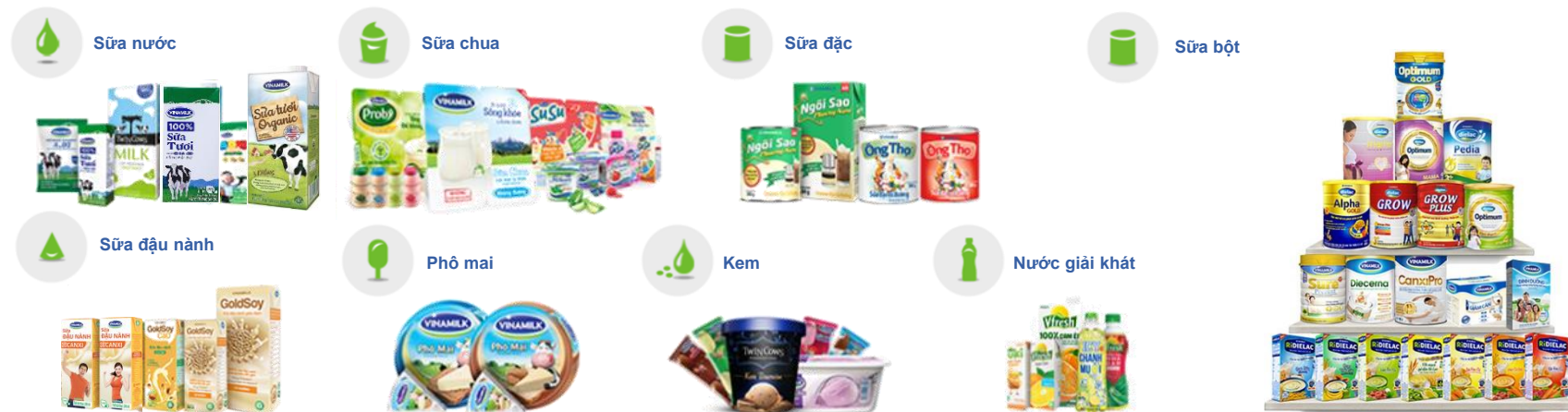
Phần 1 – Giới thiệu về Công ty



Tổng quan về Vinamilk



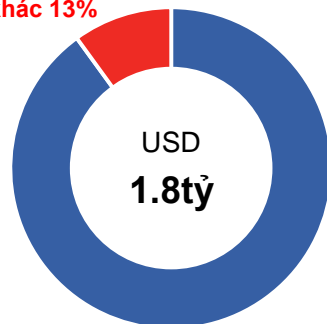
Sản phẩm đa dạng, đa ngành hàng



Doanh thu theo kênh bán hàng

2015 (%)

Kênh bán hàng
hiện đại & Kênh
khác 13%



USD
1.8tỷ

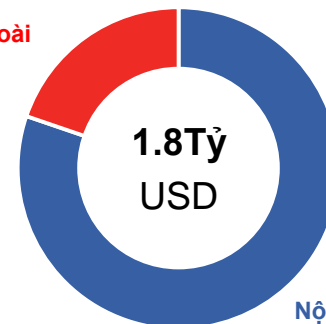
Kênh bán hàng
truyền thống
87%

Nguồn: Vinamilk

Doanh thu theo vùng

2015 (%)

Nước ngoài
20%



1.8Tỷ
USD

Nội địa 80%

Nguồn: Vinamilk

Vinamilk qua các con số



Ghi chú

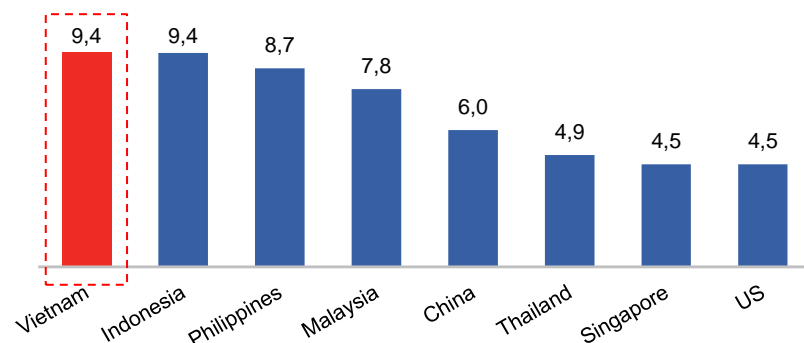
1. Tỷ giá VND22.500 / USD, ngày 14 tháng 10, 2016

2. EBITDA = Doanh thu – Giá vốn bán hàng – Chi phí bán hàng, doanh nghiệp + Khấu hao

Việt Nam - Một trong những thị trường hấp dẫn tại Đông Nam Á

Một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới

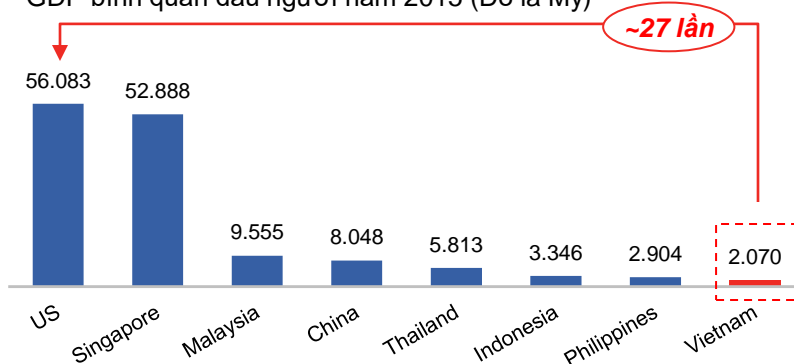
Tăng trưởng GDP hàng năm 2015-2020



Nguồn: Global Insight

Tiềm năng lớn về GDP bình quân đầu người

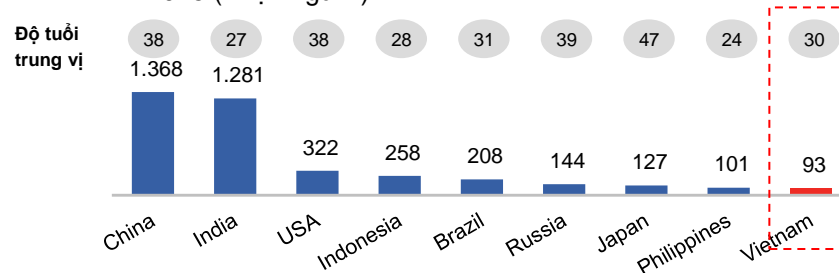
GDP bình quân đầu người năm 2015 (Đô la Mỹ)



Nguồn: Industry Data

Số lượng người tiêu dùng lớn với 93 triệu dân và dân số trẻ

Dân số 2015 (Triệu người)



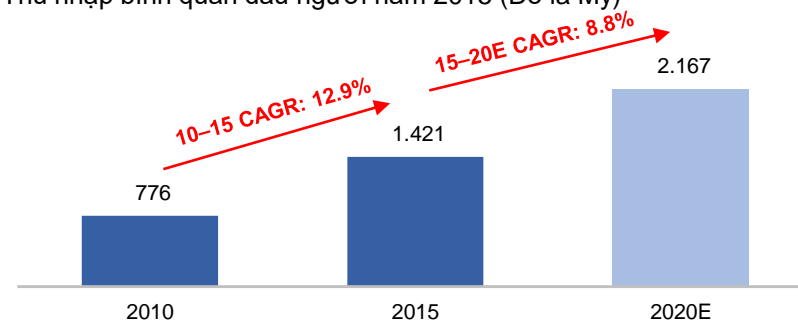
Xếp hạng thế giới

Xếp hạng thế giới	#1	#2	#3	#4	#5	#9	#10	#12	#14
-------------------	----	----	----	----	----	----	-----	-----	-----

Nguồn: Industry Data

Tầng lớp trung lưu đang lớn mạnh với mức thu nhập tăng

Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 (Đô la Mỹ)



Nguồn: Industry Data

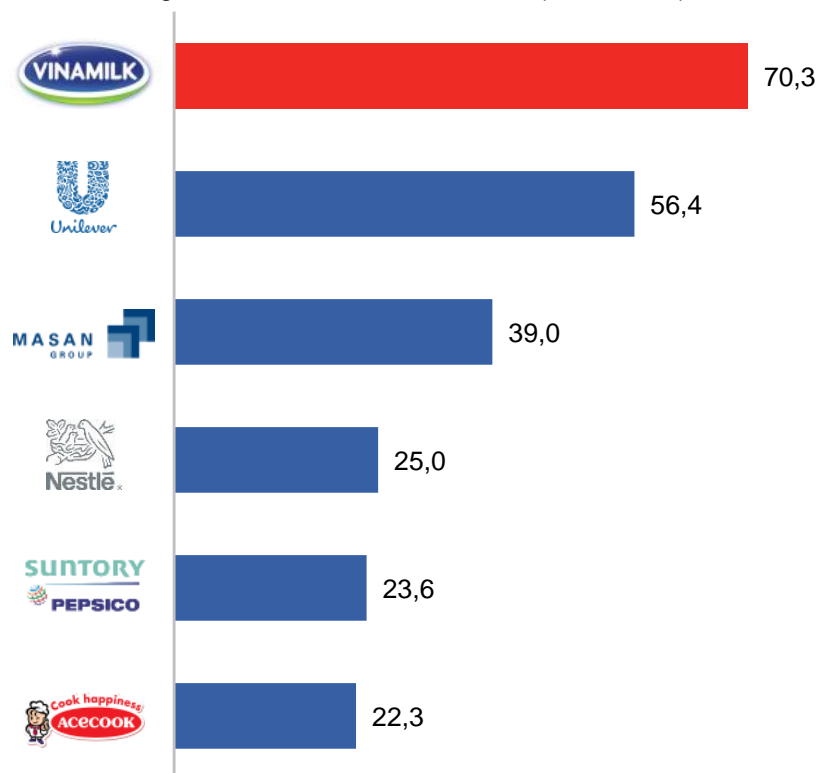
Phần 2 – Điểm nhấn đầu tư





Mang Thai	0-3 tuổi	2-6 tuổi	6-9 tuổi	9-14 tuổi	15-17 tuổi	18-25 tuổi	25-35 + tuổi	50+ tuổi
Mama	Sữa công thức cao cấp	Sữa công thức hạng trung	Nhân hiệu dành cho trẻ em		Nhân hiệu dành cho người trẻ tuổi và phụ nữ		Sữa dành cho người lớn tuổi	
		   	    		 			
	Nhân hiệu dành cho gia đình							
	        							
	  							

Xếp hạng các nhãn hiệu hàng tiêu dùng tại Việt Nam
Được đánh giá bởi Urban CRP⁽¹⁾ năm 2015 (triệu đơn vị)

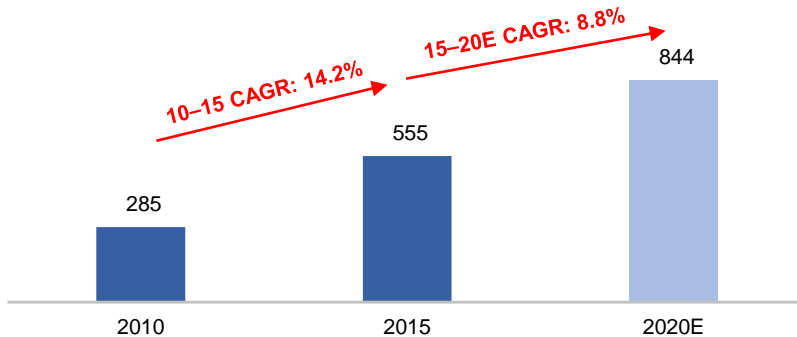


Nguồn Kantar World Panel

1 Việt Nam là một trong những thị trường sữa hấp dẫn nhất toàn cầu

Mức tăng tiêu dùng cao trong mảng Thực phẩm và đồ uống

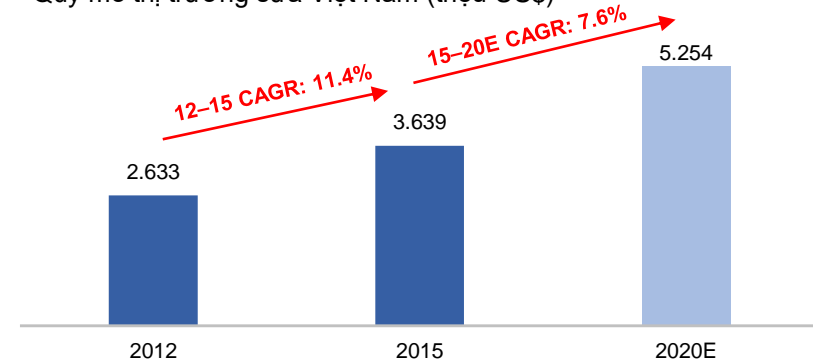
Mức chi tiêu bình quân đầu người cho Thực phẩm và đồ uống (US\$)



Nguồn: Dữ liệu Ngành Công nghiệp

Thị trường sữa Việt Nam trị giá 3.6 tỷ USD và tăng trưởng trung bình khoảng 8% mỗi năm

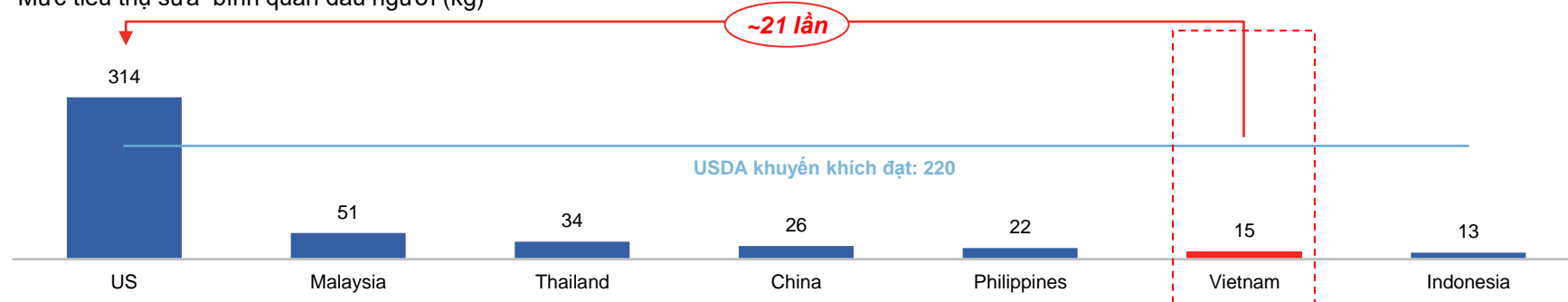
Quy mô thị trường sữa Việt Nam (triệu US\$)



Nguồn: Dữ liệu Ngành Công nghiệp

Triển vọng tăng trưởng tiêu dùng thị bình quân đầu người

Mức tiêu thụ sữa bình quân đầu người (kg)

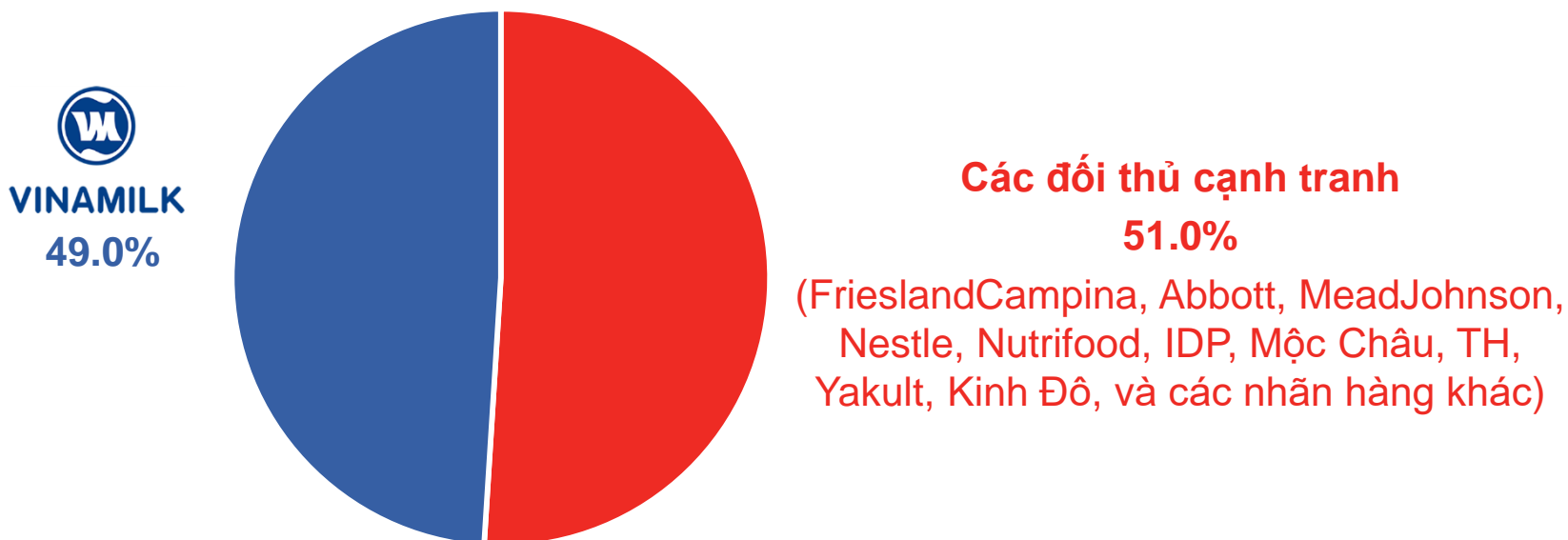


Nguồn: Chỉ số Ngành Công Nghiệp

2 Vị trí dẫn đầu vững mạnh...

Công ty sản xuất sản phẩm từ sữa lớn nhất Việt Nam

Thị phần bán lẻ sữa⁽¹⁾ theo Giá trị bán lẻ năm 2015 (%)



Nguồn: Dữ liệu Ngành Công nghiệp

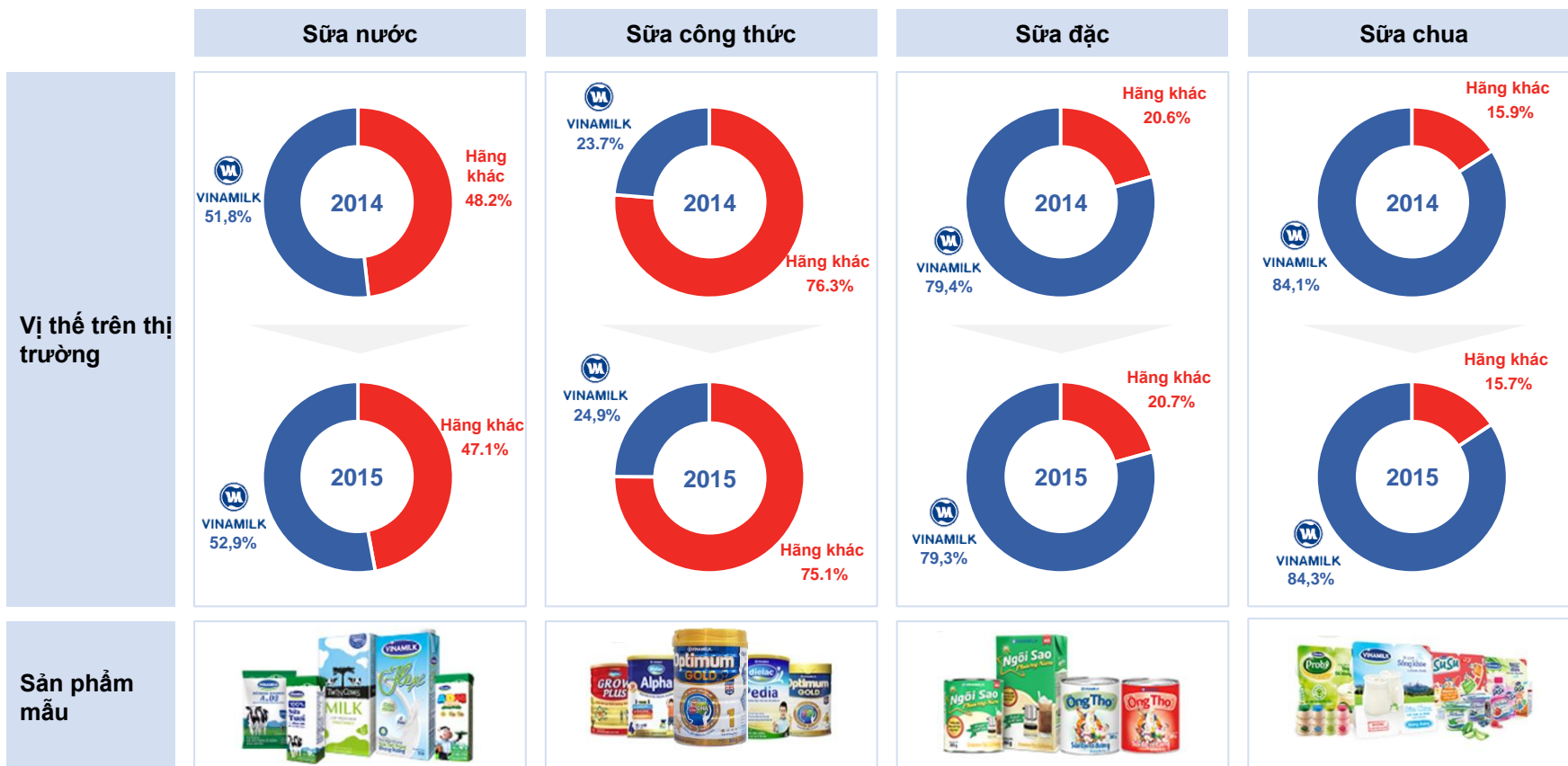
Chú thích

1. Bao gồm cả bơ động vật, bơ thực vật, phô mai, các sản phẩm từ sữa, sữa chua, các sản phẩm từ sữa lên men, và các chế phẩm sữa khác (sữa đặc, kem sữa, kem café, đồ ăn vặt được làm từ sữa đông, v.v)

2 ...trong danh mục đa dạng các sản phẩm

Dẫn đầu thị trường trong từng nhóm sản phẩm với Danh mục hơn 200 chủng loại sản phẩm

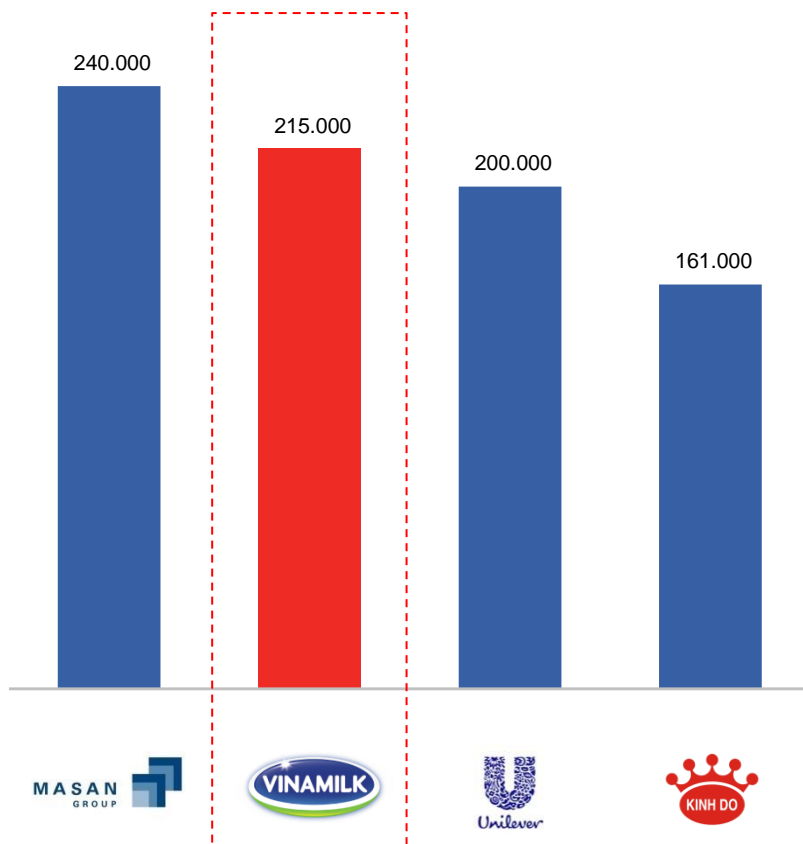
Nhóm sản phẩm chính



3 Mạng lưới phân phối trải rộng khắp toàn quốc

Mạng lưới bán hàng rộng lớn với bao phủ trải dài

Các điểm bán hàng tại Việt Nam

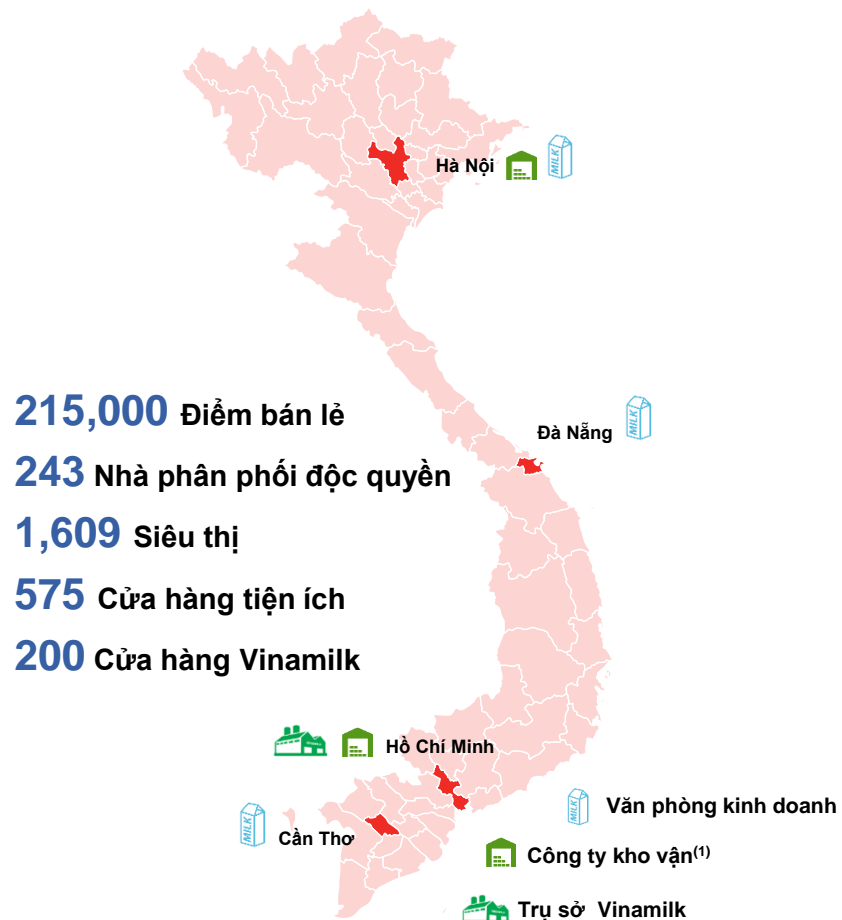


Nguồn Vinamilk

Lưu ý

1. Giám sát kho và vận chuyển các nguyên vật liệu cũng như thành phẩm

Ưu thế trong các kênh bán hàng cả truyền thống và hiện đại



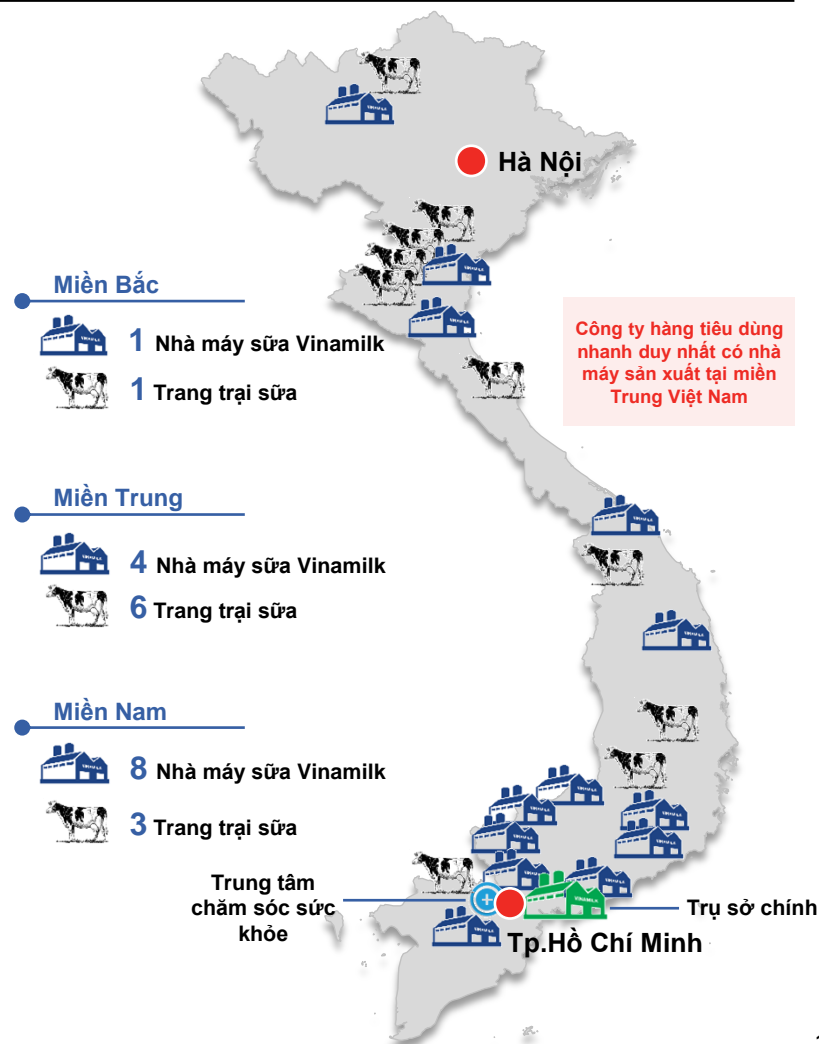
Nguồn Vinamilk

4 Mô hình kinh doanh khép kín được hỗ trợ bởi Nhà máy sản xuất hiện đại

Cấu trúc hạ tầng và hệ thống quản trị khép kín



13 nhà máy sản xuất trên khắp Việt Nam



4 ... Năng lực đổi mới ...

Tổng quan về năng lực đổi mới

- **Đội ngũ nghiên cứu & phát triển sản phẩm** giàu kinh nghiệm và am hiểu về thị hiếu nội địa
- Hợp tác với 3 công ty hàng đầu về công nghệ sinh học là **DSM, Lonza, và Chr. Hansen** để nghiên cứu, ứng dụng và phát triển sản phẩm

Lonza



CHR. HANSEN

Improving food & health



DSM

BRIGHT SCIENCE. BRIGHTER LIVING.

Năng lực đổi mới sản phẩm và các sản phẩm thành công

2015 Các sản phẩm mới



Sữa bột Optimum Gold



Sữa uống dinh dưỡng như: Dielac Grow, Dielac Alpha Gold, Dielac Grow Plus, and Optimum Gold



Ozé – nước uống lạnh có hương vị



Kem 4 mùa-Twin Cows

2016 Các sản phẩm mới



Dielac Alpha



Sữa tươi hữu cơ
(Sản xuất tại Hoa Kỳ)



Sữa chua uống vị Nha đam, Lựu, Cam, Dâu



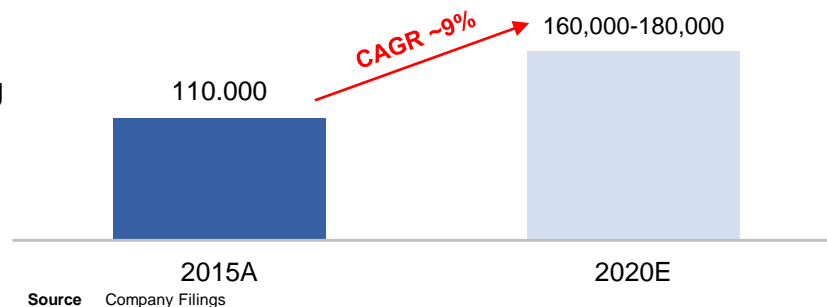
Sữa chua vị lựu

4 ...và Quan hệ lâu năm với Nhà cung cấp

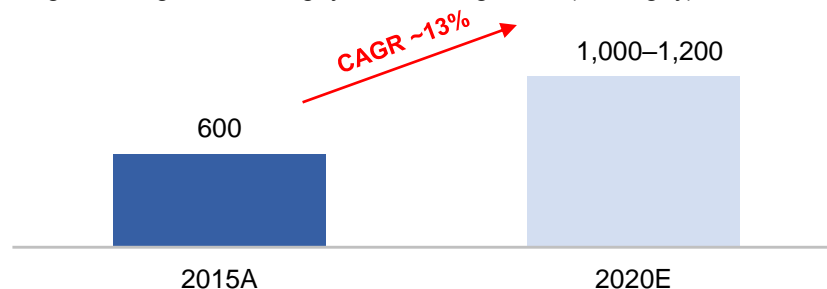
Cam kết tăng nguồn sữa nguyên liệu tự cung và phát triển cộng đồng nông trại bò sữa địa phương

- Hiện nay Vinamilk có 10 trang trại bò sản xuất ~ 600 tấn sữa tươi mỗi ngày
 - 7 trang trại** đạt tiêu chuẩn **G.A.P toàn cầu**
 - 2 trang trại mới với quy mô lớn** đang được xây dựng với tổng công suất thiết kế là ~ 24.000 con bò
 - 1 trang trại chăn nuôi hữu cơ** – đầu tiên ở Việt Nam
 - Các nông trại công nghiệp hóa hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân nuôi bò sữa trong khu vực
- Nông dân địa phương và các trang trại của Vinamilk** cung cấp sữa tươi nguyên liệu, hiện chiếm khoảng 30% tổng nhu cầu sản xuất
 - Nguồn cung sữa tươi nguyên liệu trong nước dự kiến đáp ứng 40% nhu cầu trong 5 năm tới
- Sữa bột **nhập khẩu** chiếm ~ 70% tổng nhu cầu sản xuất. Nhập khẩu chủ yếu từ New Zealand, Úc, Mỹ và Châu Âu

Số lượng bò



Nguồn cung sữa tươi nguyên liệu trong nước (Tấn/ngày)



5 Quỹ đạo tăng trưởng với tính hiện thực cao

Tiếp tục tăng trưởng sản lượng hơn mức tăng trưởng thị trường

- ✓ *Năng lực tiếp thị, bán hàng, và nghiên cứu & phát triển tốt nhất để thúc đẩy tăng trưởng doanh số bán hàng*



Đội ngũ tiếp thị

- Phân tích sở thích và các xu hướng tiêu dùng
- Tiến hành nghiên cứu tiêu dùng thông qua các công ty nghiên cứu thị trường



Đội ngũ bán hàng

- Nắm bắt sở thích của người tiêu dùng thông qua tương tác thường xuyên tại các cửa hàng khác nhau



Đội ngũ nghiên cứu & phát triển sản phẩm

- Cải thiện chất lượng và mở rộng danh mục sản phẩm

Tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm để tăng các sản phẩm dòng cao cấp

- ✓ *Mục tiêu nhắm tới tầng lớp khách hàng trung lưu trở lên ngày càng lớn mạnh*



Vinamilk Twin Cows

Sữa chất lượng cao được sản xuất và nhập khẩu từ New Zealand



Vinamilk Organic

Sữa hữu cơ đầu tiên tại Việt Nam, sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế



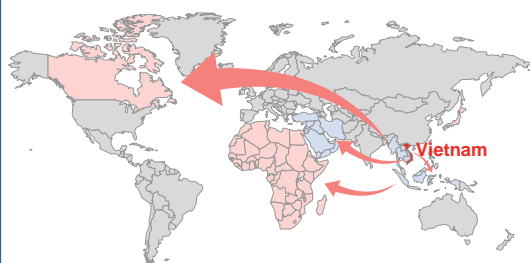
Optimum Gold

tăng 20% DHA có nguồn gốc từ vi tảo nguyên chất, kết hợp với Lutein

5 Quỹ đạo tăng trưởng với tính hiện thực cao (tt)

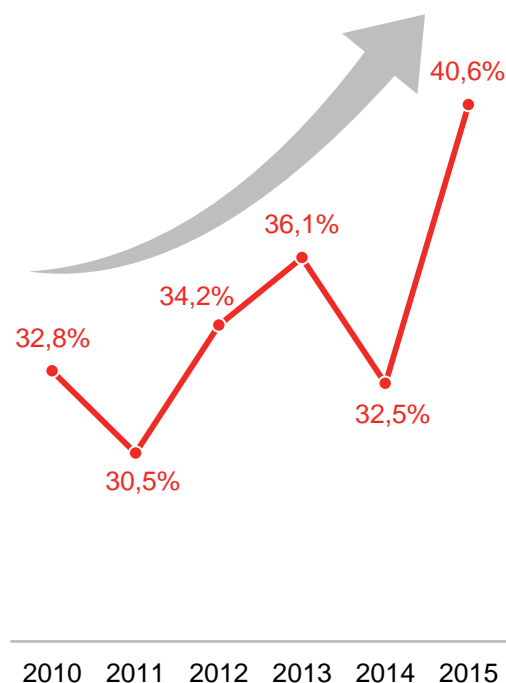
Chọn lọc mở rộng thị trường ở nước ngoài

- ✓ *Thị trường xuất khẩu tiềm năng ở châu Phi và đặc biệt là các thị trường cao cấp như Nhật Bản, Canada*



Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động để củng cố biên lợi nhuận

Biên lợi nhuận gộp (%)



Tìm hiểu các cơ hội tăng trưởng thông qua các thương vụ mua bán sáp nhập

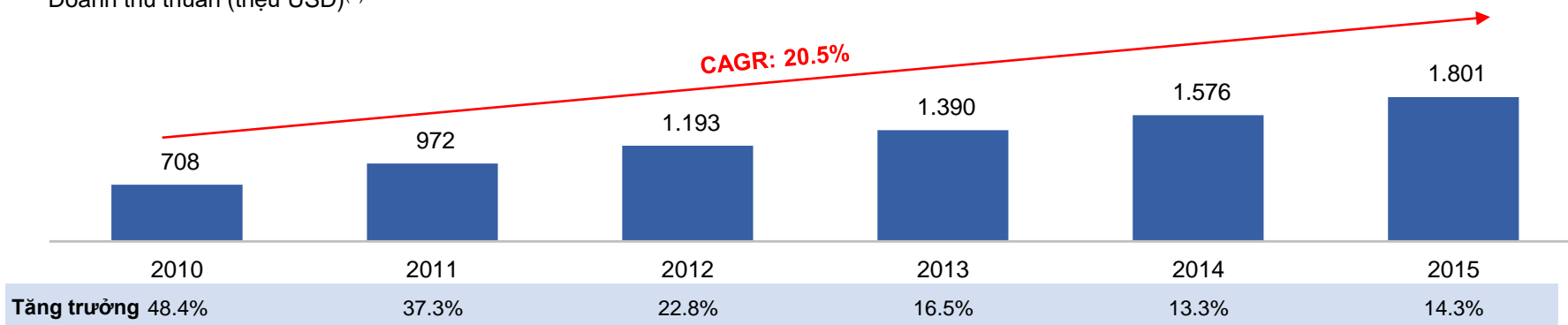
- ✓ *Các thương vụ mua lại các công ty trước đây đã chứng minh tính hiệu quả trong việc mở rộng hoạt động quốc tế của Vinamilk*



6 Kết quả tài chính vững mạnh

Tăng trưởng doanh thu bình quân hơn 20% trong 5 năm qua

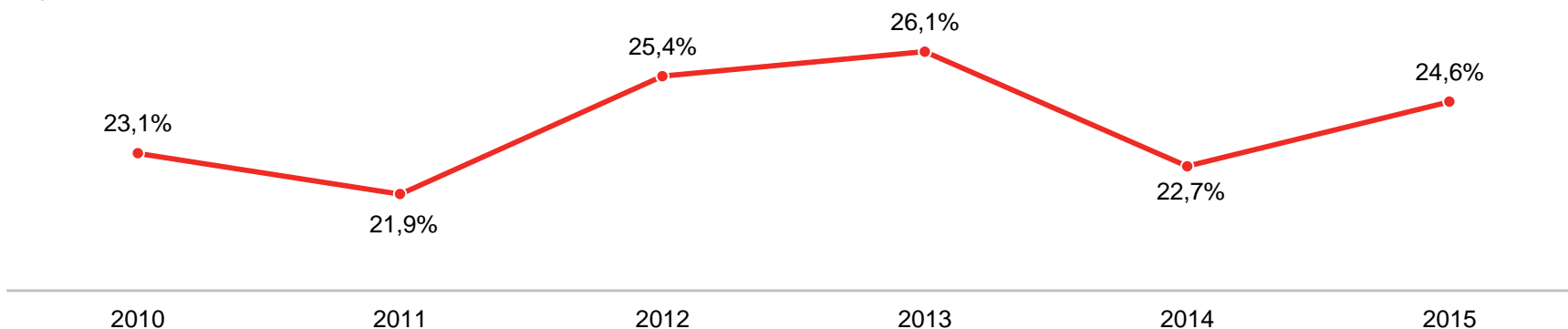
Doanh thu thuần (triệu USD)⁽¹⁾



Nguồn: Hồ sơ công ty

Lợi thế và sự linh hoạt trong hoạt động tạo nên mức EBITDA hấp dẫn trong nhiều năm

Hệ số EBITDA trên doanh thu thuần



Nguồn: Hồ sơ công ty

Ghi chú

1. Tỷ giá chuyển đổi VND 22,260 trên 1 USD tại ngày 14 tháng 10 năm 2016

7 Đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm



Bà Mai Kiều Liên

*Giám đốc điều hành
và thành viên hội đồng quản trị*

- Đại học/ kỹ sư về sản xuất thực phẩm và sữa
- Chứng nhận về quản lý kinh tế của Leningrad
- Chứng nhận về quản lý công

40



Ông Trịnh Quốc Dũng

Quản lý điều hành cấp cao – Phát triển sản phẩm từ sữa

- Kỹ sư về năng lượng và tự động

11



Bà Bùi Thị Hương

Quản lý điều hành cấp cao - Quản trị nhân lực và quan hệ công chúng

- Đại học về ngành ngôn ngữ học - Tiếng Nga
- Đại học về ngành kinh tế học

11



Ông Lê Thanh Liêm

Quản lý điều hành cấp cao – Quản trị tài chính kiêm kế toán trưởng

- Đại học về ngành kinh tế, chuyên ngành kế toán tài chính doanh nghiệp
- Cao học về ngành tài chính và thương mại quốc tế

22



Ông Phan Minh Tiến

Quản lý điều hành cấp cao - Marketing

- Đại học về ngành quản lý doanh nghiệp

2



Ông Mai Hoài Anh

*Giám đốc tác nghiệp kiêm
Quản lý điều hành cấp cao – Bán hàng*

- Đại học về ngành kinh tế học
- Cao học về ngành quản trị kinh doanh

20



Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Quản lý điều hành cấp cao – Sản xuất và nghiên cứu phát triển

- Đại học về ngành kỹ thuật sản xuất sữa

33



Ông Nguyễn Quốc Khánh

Quản lý điều hành cấp cao – Nghiên cứu và phát triển

- Đại học về ngành thực phẩm và kỹ thuật hóa
- Đại học về ngành quản trị kinh doanh
- Đại học về ngành ngôn ngữ - Tiếng Anh

28



Bà Ngô Thị Thu Trang

Quản lý điều hành cấp cao – Quản lý dự án

- Đại học về ngành tài chính – kế toán
- Cao học về ngành quản trị kinh doanh

31



Ông Trần Minh Vân

Quản lý điều hành cấp cao – Sản xuất

- Đại học về kỹ thuật
- Đại học về quản trị kinh doanh
- Đại học luật chuyên ngành luật thương mại
- Cao học về ngành quản trị kinh doanh

35

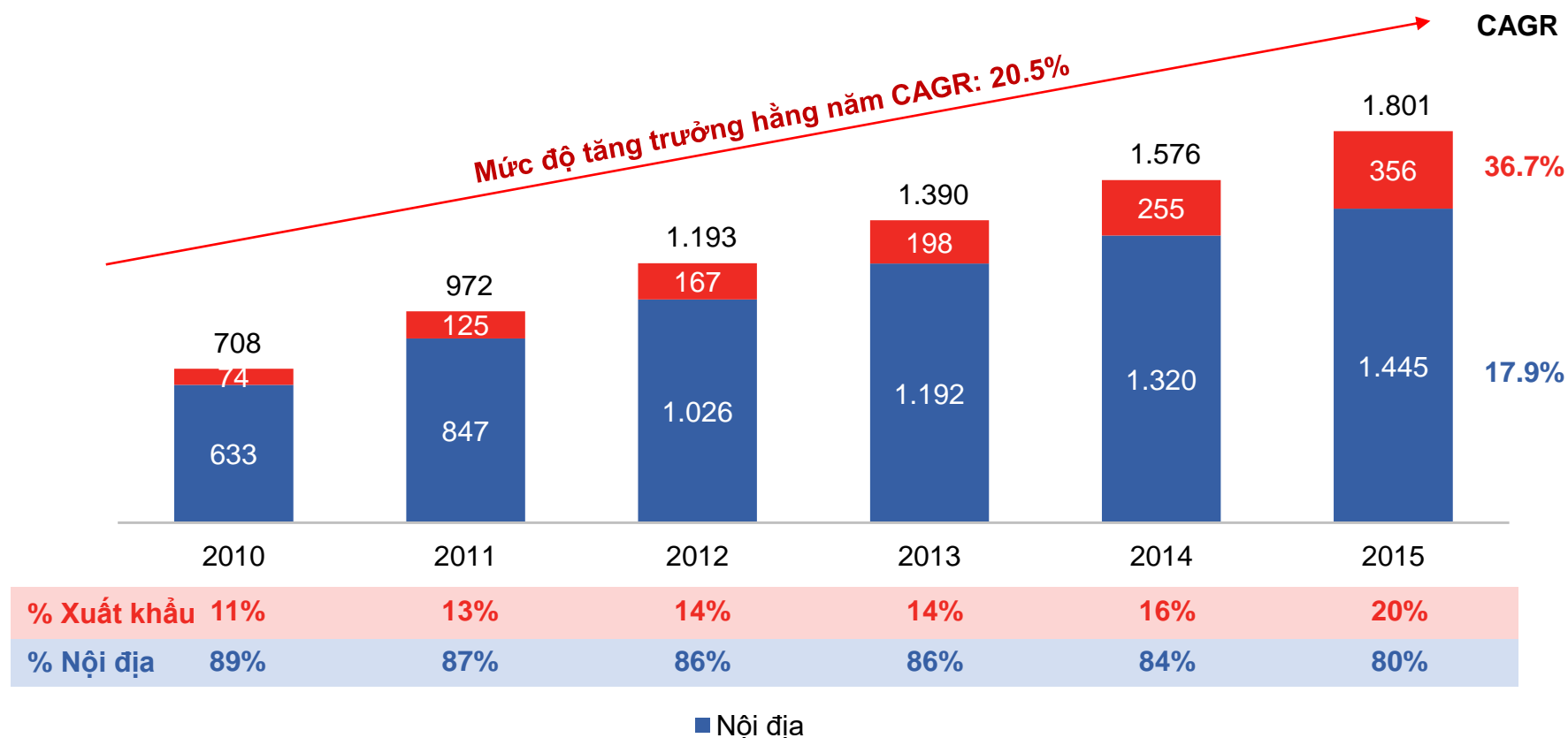
Phần 3 – Tình hình tài chính



Doanh thu tăng trưởng mạnh qua các năm

Tăng trưởng doanh thu ấn tượng chủ yếu thông qua việc tăng sản lượng bán

Doanh thu thuần⁽¹⁾ (triệu US\$)⁽²⁾



Nguồn: Hồ sơ công ty

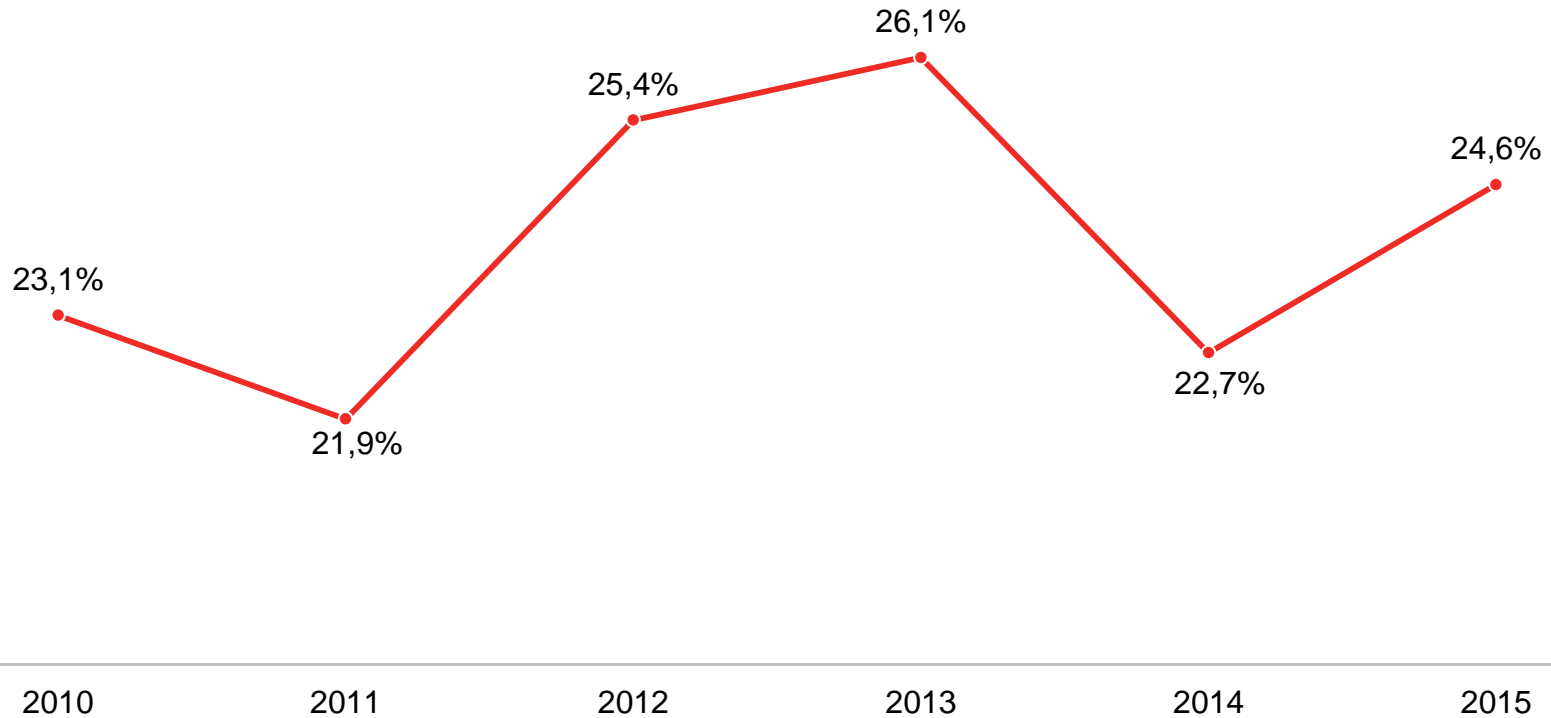
Ghi chú

- Doanh thu thuần = Tổng doanh thu – Giảm trừ doanh thu (Chiết khấu bán hàng, Hàng bán trả lại, trợ cấp bán hàng)
- Tỷ giá chuyển đổi VND/ USD: 22,260 VND trên 1 USD tại ngày 14 tháng 10 năm 2016

Thế mạnh về đòn bẩy hoạt động tạo ra biên lợi nhuận vượt bậc

Tỷ suất EBITDA trên doanh thu luôn duy trì ổn định ở mức trên 20%

Hệ số EBITDA⁽¹⁾ trên doanh thu thuần (%)



Nguồn: Hồ sơ công ty

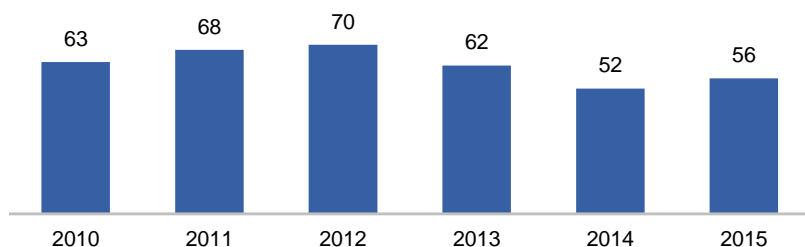
Ghi chú

1. EBITDA = Doanh thu thuần – giá vốn hàng bán – chi phí bán hàng và quản lý + chi phí khấu hao tài sản

Quản lý nguồn vốn lưu động thận trọng

Vòng quay hàng tồn kho trung bình tăng lên ở mức 56 ngày trong năm 2015

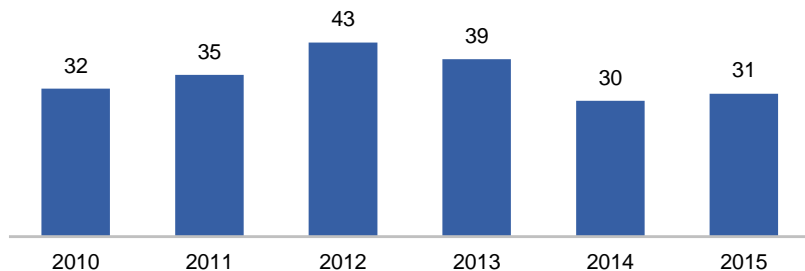
Số ngày quay vòng hàng tồn kho⁽¹⁾



Nguồn Hồ sơ công ty

Vòng quay khoản phải trả hàng mua trung bình tăng nhẹ lên ở mức 31 ngày trong năm 2015

Số ngày quay vòng khoản phải trả⁽¹⁾



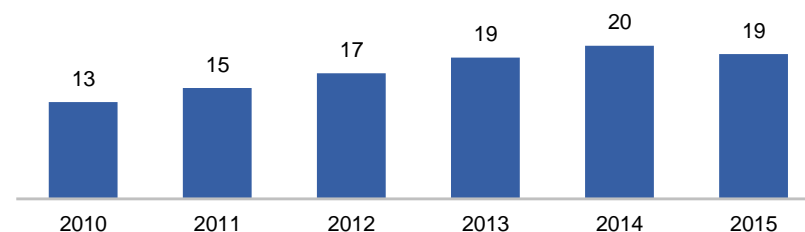
Nguồn Hồ sơ công ty

Ghi chú

- Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay khoản phải trả hàng mua được tính bằng công thức là lấy trung bình số dư đầu kỳ và cuối kỳ sau đó chia cho giá vốn hàng bán rồi nhân với 365 ngày
- Vòng quay khoản phải thu được tính bằng lấy trung bình của số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ rồi chia cho doanh thu thuần sau đó nhân với 365 ngày

Vòng quay khoản phải thu hàng bán trung bình giảm nhẹ xuống ở mức 19 ngày trong năm 2015

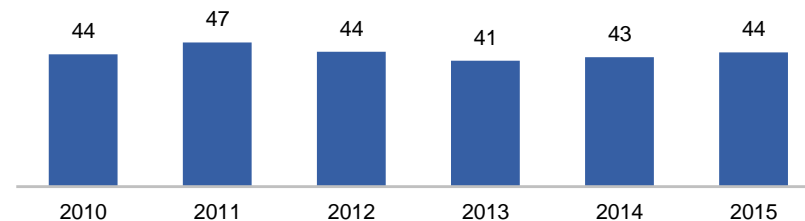
Số ngày quay vòng khoản phải thu⁽²⁾



Nguồn Hồ sơ công ty

Chu kỳ tiền mặt khá ổn định ở mức khoảng 40 ngày trong 5 năm qua

Chu kỳ tiền mặt (Days)



Nguồn Hồ sơ công ty

Bảng cân đối kế toán vững vàng với hệ số trả cổ tức hấp dẫn

Cơ cấu vốn thận trọng

Một số tài khoản chọn lọc ra từ bản cân đối kế toán, US\$MM⁽¹⁾

30/06/2016

Tổng nợ gộp

Vay ngắn hạn và nợ đến hạn phải trả của khoản vay dài hạn	56
Vay dài hạn	-

Tổng nợ gộp 56

Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền⁽²⁾ (519)

Dư nợ thuần (463)

Tổng nguồn vốn 1,003

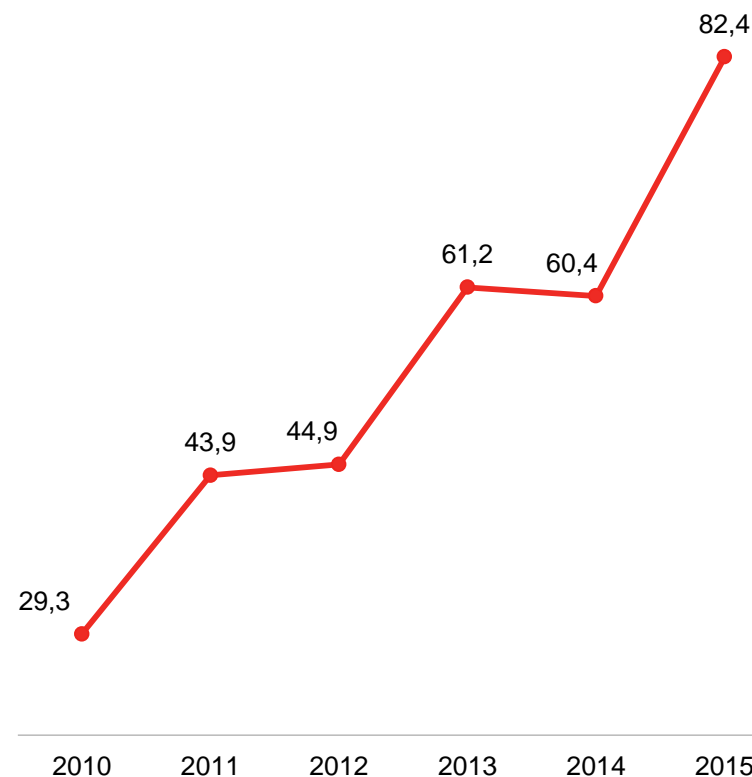
Tổng nợ / Total Equity 5.6%

LTM EBITDA⁽²⁾ 503

Tổng nợ / EBITDA của 12 tháng gần nhất 0.1x

Tỷ lệ trả cổ tức có xu hướng tăng qua các năm

Tỷ lệ trả cổ tức (%)



Nguồn Hồ sơ công ty

Ghi chú

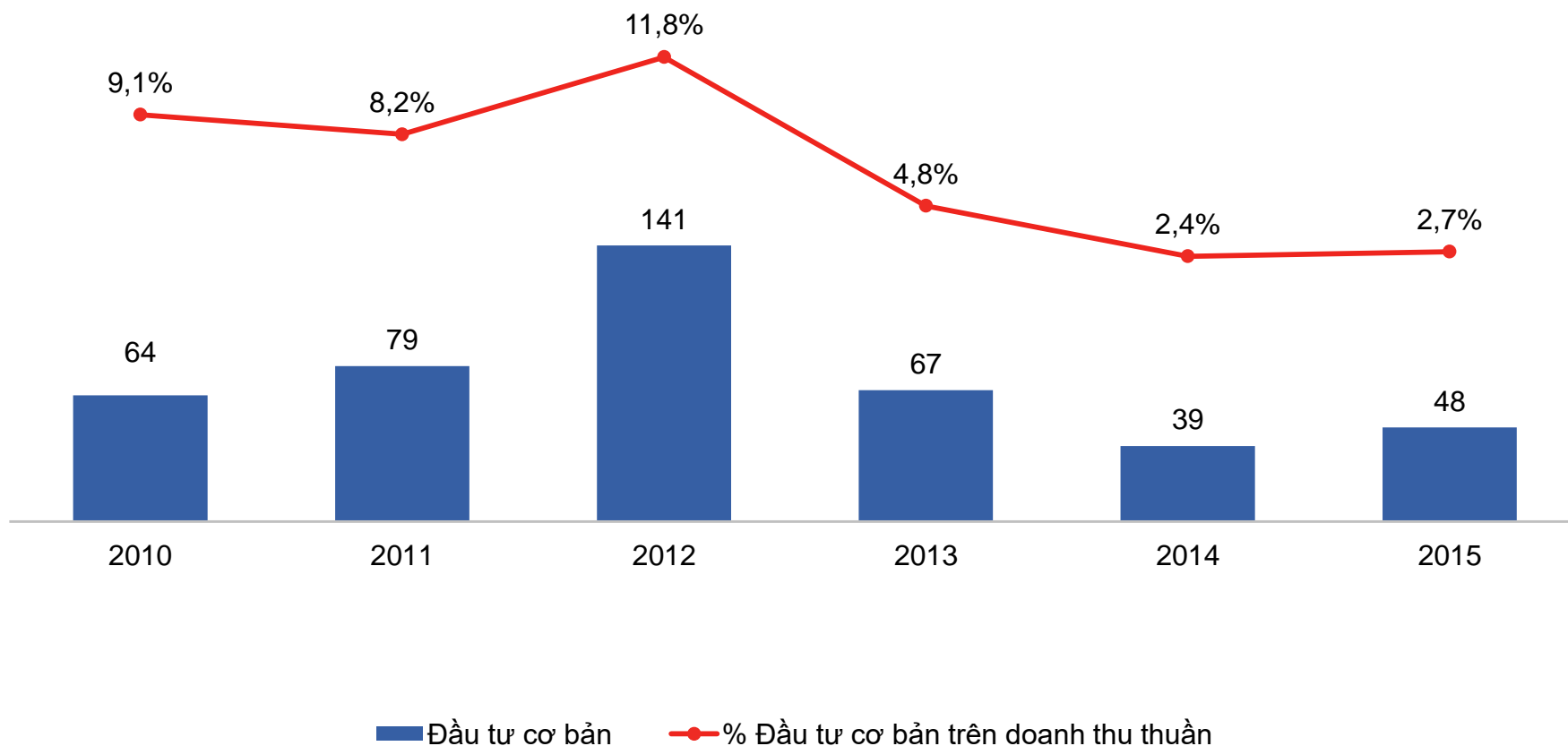
- Tỷ giá VND 22,260 trên 1 USD tại ngày 14 tháng 10 năm 2016
- Bao gồm tiền và khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn
- EBITDA = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – chi phí bán hàng và quản lý chung + chi phí khấu hao

Nguồn Hồ sơ công ty

Mức độ đầu tư cơ bản được nâng cao qua các năm

Tỷ lệ đầu tư cơ bản (“Capex”) trên doanh thu thuần ở mức thấp khoảng 2.7% trong năm 2016

Đầu tư cơ bản (US\$MM)⁽¹⁾ và Đầu tư cơ bản trên doanh thu thuần (%)



Nguồn: Hồ sơ công ty

Ghi chú

1. Tỷ giá chuyển đổi VND 22,260 trên 1 USD tại ngày 14 tháng 10 năm 2016

Hỏi & Đáp



Phụ Lục



Tóm tắt thông tin về tài chính

Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12, (US\$MM)⁽¹⁾

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	LTM ⁽⁴⁾
Doanh thu thuần	708	972	1,193	1,390	1,576	1,801	1,941
<i>% Tăng trưởng</i>	<i>48.4%</i>	<i>37.3%</i>	<i>22.8%</i>	<i>16.5%</i>	<i>13.3%</i>	<i>14.3%</i>	
Lãi gộp	232	296	408	502	512	731	824
<i>Hệ số biên lãi gộp</i>	<i>32.8%</i>	<i>30.5%</i>	<i>34.2%</i>	<i>36.1%</i>	<i>32.5%</i>	<i>40.6%</i>	<i>42.4%</i>
EBITDA ⁽²⁾	163	213	303	363	357	443	503
<i>Hệ số EBITDA trên doanh thu</i>	<i>23.1%</i>	<i>21.9%</i>	<i>25.4%</i>	<i>26.1%</i>	<i>22.7%</i>	<i>24.6%</i>	<i>25.9%</i>
EBIT ⁽³⁾	150	194	279	328	311	394	454
<i>Hệ số EBIT trên doanh thu</i>	<i>21.2%</i>	<i>20.0%</i>	<i>23.4%</i>	<i>23.6%</i>	<i>19.7%</i>	<i>21.9%</i>	<i>23.4%</i>
Lãi thuần	162	189	261	294	273	349	402
<i>Hệ số lãi thuần trên doanh thu</i>	<i>23.0%</i>	<i>19.5%</i>	<i>21.9%</i>	<i>21.1%</i>	<i>17.3%</i>	<i>19.4%</i>	<i>20.7%</i>

Nguồn: Hồ sơ công ty

Ghi chú

1. Tỷ giá VND 22,260 trên 1 USD tại ngày 14 tháng 10 năm 2016
2. EBITDA = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí bán hàng và quản lý chung + Chi phí khấu hao tài sản
3. EBIT = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí bán hàng và quản lý chung
4. 12 tháng gần nhất cho tới ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tóm tắt thông tin về tài chính (tiếp theo)

Tóm tắt bảng cân đối kế toán

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hằng năm và tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, (US\$MM)⁽¹⁾

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	30/06/2016
Tiền và các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	106	175	232	311	404	450	519
Các khoản phải thu hàng bán ⁽³⁾	26	51	57	85	89	99	112
Hàng tồn kho ⁽⁴⁾	106	147	156	145	160	171	181
Các khoản khác	293	227	286	356	446	482	546
Tài sản lưu động	425	425	499	585	694	752	839
Nhà xưởng, máy móc thiết bị và công cụ dụng cụ ⁽⁵⁾	146	215	350	377	379	388	273
Các khoản khác	(88)	60	36	66	84	95	170
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	59	275	386	443	463	483	443
Tổng tài sản	484	700	885	1,028	1,158	1,234	1,282

Nguồn Hồ sơ công ty

Ghi chú

1. Tỷ giá VND 22,260 trên 1 USD tại ngày 14 tháng 10 năm 2016
2. Bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, và đầu tư tài chính ngắn hạn
3. Bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và dự phòng các khoản nợ khó đòi
4. Bao gồm hàng tồn kho và dự phòng cho hàng tồn kho
5. Bao gồm tài sản cố định hữu hình và xây dựng dở dang

Tóm tắt thông tin về tài chính (tiếp theo)



Tóm tắt bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hằng năm và tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, (US\$MM)⁽¹⁾

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	30/06/2016
Vay ngắn hạn và vay đến hạn phải trả	26	-	-	8	57	66	56
Phải trả người bán ⁽²⁾	49	82	101	88	85	99	76
Các khoản phải trả khác	44	50	85	126	102	105	143
Nợ ngắn hạn	119	132	186	223	245	270	275
Vay dài hạn	-	-	-	8	16	17	-
Các khoản phải trả khác	7	7	3	7	8	8	4
Nợ dài hạn	7	7	3	16	23	25	4
Tổng các khoản nợ	126	140	189	238	268	294	280
Tổng nguồn vốn	358	561	696	789	889	940	1,003
Tổng nợ và vốn	484	700	885	1,028	1,158	1,234	1,282

Nguồn: Hồ sơ công ty

Ghi chú

1. Tỷ giá VND 22,260 trên 1 USD tại ngày 14 tháng 10 năm 2016
2. Bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp